TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NH** TỈNH QUẢNG NGÃI Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST Ngày 02/02/2021 V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thi Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đây

2. Bà Kiều Việt Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Toà án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST, ngày 08 tháng 01 năm 2021 và thông báo chuyển ngày xét xử số 32/TB-TA, ngày 15/01/2021, giữa các đương sự*:*

1- Nguyên đơn**:** Anh A Văn T, sinh năm 1990.

2- Bị đơn: Chị Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã HP, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh A Văn T trình bày:

1. Về hôn nhân:

Anh và chị Đoàn Thị Mỹ H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/02/2013. Sau khi kết hôn về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nhiều lần chị H tự ý bỏ chồng và con đi trong năm 2019 và đỉnh điểm là tháng 03/2020 cho mãi đến nay,

nhiều lần anh T đã khuyên bảo chị H về chung sống để nuôi con nhưng chị H không nghe. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và không thể chung sống được, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đoàn Thị Mỹ H.

2. Về con chung:

Có 02 con chung tên là A Đoàn Tấn D, sinh ngày 02/11/2012 và A Thị Mỹ N, sinh ngày 21/9/2016. Hiện nay anh T đang nuôi hai con từ khi chị H bỏ đi cho đến nay. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

***** Tại các bản tự khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Đoàn Thị Mỹ H trình bày:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh A Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không đồng quan điểm sống, nên chị và anh T đã ly thân vào khoảng tháng 11/2019 cho đến nay, chị H đã bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu được ly hôn thì chị H đồng ý ly hôn.

2. **Về con chung:** Có 02 con chung tên là A Đoàn Tấn D, sinh ngày 02/11/2012 và A Thị Mỹ N, sinh ngày 21/9/2016 hiện nay hai con đang ở với anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và đi học. Chị H yêu cầu được nuôi con A Thị Mỹ N, anh T nuôi con A Đoàn Tấn D, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A Văn T và chị Đoàn Thị Mỹ H.

- Về con chung: Giao cháu A Đoàn Tấn D, sinh ngày 02/11/2012 và A Thị Mỹ N, sinh ngày 21/9/2016 cho anh A Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đoàn Thị Mỹ H chưa phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh A Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với chị Đoàn Thị Mỹ H, chị H có nơi cư trú tại xã HP, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh A Văn T và chị Đoàn Thị Mỹ H đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/02/2013 đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, từ đó anh T và chị H phần ai nấy sống không quan tâm với nhau từ tháng 11/2019 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn và chị H đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A Văn T và chị Đoàn Thị Mỹ H.

[2.2] Về con chung: Anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con, chị H có nguyện vọng được nuôi con A Thị Mỹ N, sinh ngày 21/9/2016. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy, chị H đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh xa nhà, nơi ở và thu nhập chưa ổn định. Trong thời gian trước đây và hiện nay cả 2 con hiện đều do anh T nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt; cháu A Đoàn Tấn D, sinh ngày 02/11/2012 có nguyện vọng xin được ở với anh T. Các tình tiết này là rõ ràng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng không phản đối. Căn cứ vào Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của anh T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 2 con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị H đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh T và chị H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí thuận tình ly hôn.

[4] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A Văn T và chị Đoàn Thị Mỹ H.

3. Về con chung: Giao anh A Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung A Đoàn Tấn D, sinh ngày 01/11/2012 và A Thị Mỹ N, sinh ngày 21/9/2016. Chị Đoàn Thị Mỹ H không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 4 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về án phí:

Anh A Văn T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí thuận tình ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004646 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NH, còn hoàn trả lại cho anh T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị Đoàn Thị Mỹ H phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí thuận tình ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện NH;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện NH;
- UBND xã HP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thi Thơ